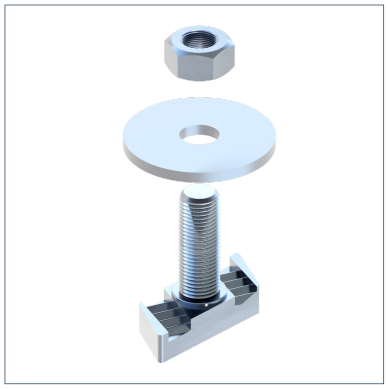
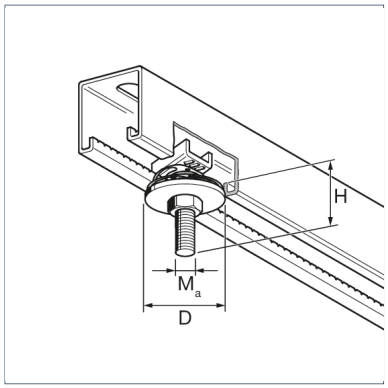
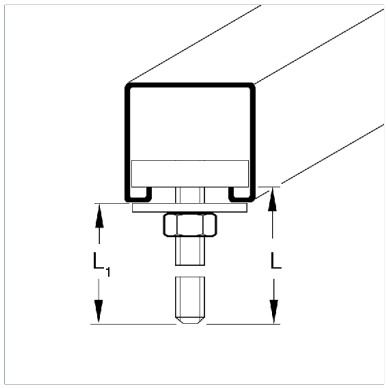
T-Head Bolt TBO HZ41







General Information

To be used with Channels MS 41.

Installation

Type	Tightening torque Mdmax [Nm]
HZ 41 M8	10
HZ 41 M10	18
HZ 41 M12	32
HZ 41 M16	79

Material Properties

Halogen-free	0
UV-resistant	0

Material

Primary element material	steel
Connecting element material	Steel Grade 4.6
Surface finish	electro galvanized (Fe//Zn)
Corrosion protection class	C2

Forces

Type	-V{X,perm.}	V{X,perm.}	-V{Z,perm.}
TBO HZ41 M 8 X 15	1.50 kN	1.50 kN	5.80 kN
TBO HZ41 M 8 X 20	1.50 kN	1.50 kN	5.80 kN
TBO HZ41 M 8 X 25	1.50 kN	1.50 kN	5.80 kN
TBO HZ41 M 8 X 35	1.50 kN	1.50 kN	5.80 kN
TBO HZ41 M 8 X 55	1.50 kN	1.50 kN	5.80 kN
TBO HZ41 M 8 X 75	1.50 kN	1.50 kN	5.80 kN
TBO HZ41 M 8 X95	1.50 kN	1.50 kN	5.80 kN
TBO HZ41 M10 X 15	2.50 kN	2.50 kN	9.30 kN
TBO HZ41 M10 X 20	2.50 kN	2.50 kN	9.30 kN
TBO HZ41 M10 X 25	2.50 kN	2.50 kN	9.30 kN
TBO HZ41 M10 X 35	2.50 kN	2.50 kN	9.30 kN
TBO HZ41 M10 X 55	2.50 kN	2.50 kN	9.30 kN
TBO HZ41 M10 X 75	2.50 kN	2.50 kN	9.30 kN

Type	-V{X,perm.}	V{X,perm.}	-V{Z,perm.}
TBO HZ41 M10 X 95	2.50 kN	2.50 kN	9.30 kN
TBO HZ41 M12 X 20	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M12 X 25	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M12 X 35	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M12 X 55	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M12 X 75	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M12 X 95	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M16 X 25	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M16 X 35	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M16 X 55	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M16 X 75	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN
TBO HZ41 M16 X 95	3.00 kN	3.00 kN	10.00 kN

Moments

Type	Permissible bending moment M{b,perm.}
TBO HZ41 M 8 X 15	5 Nm
TBO HZ41 M 8 X 20	5 Nm
TBO HZ41 M 8 X 25	5 Nm
TBO HZ41 M 8 X 35	5 Nm
TBO HZ41 M 8 X 55	5 Nm
TBO HZ41 M 8 X 75	5 Nm
TBO HZ41 M 8 X95	5 Nm
TBO HZ41 M10 X 15	10 Nm
TBO HZ41 M10 X 20	10 Nm
TBO HZ41 M10 X 25	10 Nm
TBO HZ41 M10 X 35	10 Nm
TBO HZ41 M10 X 55	10 Nm
TBO HZ41 M10 X 75	10 Nm
TBO HZ41 M10 X 95	10 Nm
TBO HZ41 M12 X 20	17.5 Nm
TBO HZ41 M12 X 25	17.5 Nm
TBO HZ41 M12 X 35	17.5 Nm
TBO HZ41 M12 X 55	17.5 Nm
TBO HZ41 M12 X 75	17.5 Nm
TBO HZ41 M12 X 95	17.5 Nm

Type	Permissible bending moment M{b,perm.}
TBO HZ41 M16 X 25	44.5 Nm
TBO HZ41 M16 X 35	44.5 Nm
TBO HZ41 M16 X 55	44.5 Nm
TBO HZ41 M16 X 75	44.5 Nm
TBO HZ41 M16 X 95	44.5 Nm

Note on loadings

The actual bending moment shouldn't exceed the bending moment of the channel acting laterally.

Types

Type	L	L_1	Weight	Quantity	Part number
TBO HZ41 M 8 X 15	20.00 mm	15.00 mm	0.078 kg/pcs.	50 pcs.	151953
TBO HZ41 M 8 X 20	25.00 mm	20.00 mm	0.078 kg/pcs.	50 pcs.	151962
TBO HZ41 M 8 X 25	30.00 mm	25.00 mm	0.081 kg/pcs.	50 pcs.	151971
TBO HZ41 M 8 X 35	40.00 mm	35.00 mm	0.084 kg/pcs.	50 pcs.	151980
TBO HZ41 M 8 X 55	60.00 mm	55.00 mm	0.089 kg/pcs.	50 pcs.	151999
TBO HZ41 M 8 X 75	80.00 mm	75.00 mm	0.097 kg/pcs.	50 pcs.	152006
TBO HZ41 M 8 X95	100.00 mm	95.00 mm	0.110 kg/pcs.	50 pcs.	152015
TBO HZ41 M10 X 15	20.00 mm	15.00 mm	0.083 kg/pcs.	50 pcs.	152024
TBO HZ41 M10 X 20	25.00 mm	20.00 mm	0.090 kg/pcs.	50 pcs.	152033
TBO HZ41 M10 X 25	30.00 mm	25.00 mm	0.087 kg/pcs.	50 pcs.	152042
TBO HZ41 M10 X 35	40.00 mm	35.00 mm	0.097 kg/pcs.	50 pcs.	152051
TBO HZ41 M10 X 55	60.00 mm	55.00 mm	0.105 kg/pcs.	50 pcs.	152060
TBO HZ41 M10 X 75	80.00 mm	75.00 mm	0.117 kg/pcs.	50 pcs.	152079
TBO HZ41 M10 X 95	100.00 mm	95.00 mm	0.124 kg/pcs.	50 pcs.	152088
TBO HZ41 M12 X 20	25.00 mm	20.00 mm	0.125 kg/pcs.	50 pcs.	152167
TBO HZ41 M12 X 25	30.00 mm	25.00 mm	0.128 kg/pcs.	50 pcs.	152176
TBO HZ41 M12 X 35	40.00 mm	35.00 mm	0.137 kg/pcs.	50 pcs.	152185
TBO HZ41 M12 X 55	60.00 mm	55.00 mm	0.150 kg/pcs.	50 pcs.	152194
TBO HZ41 M12 X 75	80.00 mm	75.00 mm	0.164 kg/pcs.	50 pcs.	152200
TBO HZ41 M12 X 95	100.00 mm	95.00 mm	0.179 kg/pcs.	50 pcs.	152219
TBO HZ41 M16 X 25	30.00 mm	25.00 mm	0.153 kg/pcs.	50 pcs.	152228
TBO HZ41 M16 X 35	40.00 mm	35.00 mm	0.170 kg/pcs.	50 pcs.	152237
TBO HZ41 M16 X 55	60.00 mm	55.00 mm	0.194 kg/pcs.	50 pcs.	152246
TBO HZ41 M16 X 75	80.00 mm	75.00 mm	0.225 kg/pcs.	50 pcs.	152255

T-Head Bolt TBO HZ41

Type	L	L_1	Weight	Quantity	Part number
TBO HZ41 M16 X 95	100.00 mm	95.00 mm	0.246 kg/pcs.	50 pcs.	152264

Dimensions

Type	D	H	Ma
TBO HZ41 M 8 X 15	40 mm	24.5 mm	M8
TBO HZ41 M 8 X 20	40 mm	29.5 mm	M8
TBO HZ41 M 8 X 25	40 mm	34.5 mm	M8
TBO HZ41 M 8 X 35	40 mm	44.5 mm	M8
TBO HZ41 M 8 X 55	40 mm	64.5 mm	M8
TBO HZ41 M 8 X 75	40 mm	84.5 mm	M8
TBO HZ41 M 8 X95	40 mm	104.5 mm	M8
TBO HZ41 M10 X 15	40 mm	24.5 mm	M10
TBO HZ41 M10 X 20	40 mm	29.5 mm	M10
TBO HZ41 M10 X 25	40 mm	34.5 mm	M10
TBO HZ41 M10 X 35	40 mm	44.5 mm	M10
TBO HZ41 M10 X 55	40 mm	64.5 mm	M10
TBO HZ41 M10 X 75	40 mm	84.5 mm	M10
TBO HZ41 M10 X 95	40 mm	104.5 mm	M10
TBO HZ41 M12 X 20	40 mm	28.5 mm	M12
TBO HZ41 M12 X 25	40 mm	33.5 mm	M12
TBO HZ41 M12 X 35	40 mm	43.5 mm	M12
TBO HZ41 M12 X 55	40 mm	63.5 mm	M12
TBO HZ41 M12 X 75	40 mm	83.5 mm	M12
TBO HZ41 M12 X 95	40 mm	103.5 mm	M12
TBO HZ41 M16 X 25	34.5 mm	33.5 mm	M16
TBO HZ41 M16 X 35	34.5 mm	43.5 mm	M16
TBO HZ41 M16 X 55	34.5 mm	63.5 mm	M16
TBO HZ41 M16 X 75	34.5 mm	83.5 mm	M16
TBO HZ41 M16 X 95	34.5 mm	103.5 mm	M16

Certification